

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 9 –WEEK 21

UNIT 6 : THE ENVIRONMENT

❁ NEW WORDS:

Getting started – Listen and read :

- garbage = rubbish = trash (n) : rác
- garbage dump (n) : bãi rác
- garbage bin (n) : thùng rác
- pollute (v) : gây ô nhiễm
- ➔ pollution (n) : sự ô nhiễm
- ➔ pollutant (n) : chất gây ô nhiễm
- ➔ polluted (adj) : bị ô nhiễm # unpolluted (adj) : không ô nhiễm
- deforest (v) : phá rừng
- ➔ deforestation (n) : nạn phá rừng
- dynamite (n) : thuốc nổ
- spray (v) : phun xịt
- pesticide (n) : thuốc trừ sâu
- conserve (v) : giữ gìn, bảo tồn
- ➔ conservation (n) : sự giữ gìn, bảo quản
- ➔ conservationist (n) : người làm việc bảo vệ môi trường
- environment (n) : môi trường
- ➔ environmental (adj) : thuộc về môi trường
- ➔ environmentalist (n) : nhà môi trường học
- shore (n) : bãi biển, bờ biển
- provide (v) : cung cấp
- disappointed (adj) : thất vọng→disappointment (n) : sự thất vọng
- spoil (v) : phá hủy
- give out (v) : phân phát

Speak :

- banana leaves (n) : lá chuối
- wrap (v) : gói
- dissolve (v) : phân hủy
- save (v) : tiết kiệm
- reduce (v) : tiết giảm

- natural resources (n) : tài nguyên thiên nhiên
- harm (v) : gây hại
- ➔ harmful (adj) : có hại
- energy (n) : năng lượng
- prevent ... from (v) : ngăn chặn → prevention (n) : sự ngăn chặn
- instead of : thay vì
- exhaust fume (n) : khói thải
- litter (n) : vứt bừa bãi
- protect (v) : bảo vệ
- ➔ protection (n) : sự bảo vệ
- burn – burnt – burnt (v) : đốt
- reuse (v) : tái sử dụng
- produce (v) : sản xuất
- ➔ product (n) : sản phẩm
- ➔ production (n) : sự sản xuất

❀ GRAMMAR

A/ S + be + adj + (that) + S + V.....

(Clause)

1/ Getting a good job made him pleased.

→ He was _____.

2/ He passed the test with good scores. It is a surprise!

→ His parents are _____.

3/ We were happy to be there yesterday.

→ We were happy that _____.

4/ I didn't do the test well. I was worried.

→ I was _____.

5/ We saw you in town. We were happy.

→ We were _____.

6/ He will win the game. I'm sure.

→ I'm _____.

7/ You failed the final exam. Your parents were very disappointed.

→ Your parents _____.

8/ You were able to come. I am glad.

→ I am _____.

9/ Everybody feels comfortable. It's important.

→ It's _____.

10/ You wouldn't come back. I was worried.

→ I am _____.

B/ S + be + (a/an) + adj + N.

S + V + adv.

1/ Mai is a bad worker.

→ Mai works _____.

2/ Tuan is a good tennis player.

→ Tuan plays _____.

3/ They are slow swimmers.

→ They swim _____.

4/ We are good teachers of Math.

→ We teach _____.

5/ Loan is a skillful painter.

→ Loan paints _____.

6/ Loan drives very carelessly.

→ Loan is _____.

7/ They type carefully.

→ They are _____.

8/ Tom runs fast.

→ Tom is _____.

9/ She dances ballet beautifully.

→She is _____.

10/Mary works hard as a students.

→Mary is _____.

C/ SUGGESTIONS

Let's + V_{nguyên mẫu}

I think we should + V_{nguyên mẫu}

I suggest + V_{ing}.....

I suggest that + we should + V_{nguyên mẫu}

Why don't we + V_{nguyên mẫu}?

Shall we + V_{nguyên mẫu} ?

1.Let's use banana leave to wrap food.

→I suggest

2.I think you should go to school by bus.

→I suggest that

3.What about putting garbage bins around the school yard.

→I think.....

4.Why don't we do some reading every day?

→He suggests

5.Let's put garbage bins around the schoolyard.

→I suggest

6.You should spend some weeks in Dalat.

→I suggest

7.Shall we help poor people?

→Why

8.I think you should use nets to catch fish.

→I suggest

9.Let's save money to help poor people.

→I think.....

10.Why don't we sing a song?

→She suggested.....

D/IF CLAUSE

If clause	Main clause
If + S + V ₁ / V _{s,es} ... If + S + don't / doesn't + V...	S + will / can + V... S + won't / can't + V...
If + S + is / am / are ... If + S + isn't / am not / aren't ...	

1.The woman will help us and we will make it easily.

→If

2.Mary will buy a bike. She will ride to school.

→If Mary has.....

3.Don't be careless or you will fall over the rocks.

→If

4.Hurry up or we'll be late for the meeting.

→If we are

5.Be careful or you will fall over the rock.

→If.....

6.Burn the trash and the air will be polluted.

→If.....

7.I'll follow the teacher's instructions. I'll understand it faster.

→If

8.You will pass the English exam.Your parents will be proud of you.

→If

9. We should try to recycle things. We can save natural resources.

→ If

10. He should read the information. He will find out the best answer.

→ If

PHẦN GHI BÀI VÀO VỞ

GETTING STARTED (page 47)

Match these environmental problems to the pictures

- a) air pollution: ô nhiễm không khí
- b) spraying pesticides: phun thuốc trừ sâu
- c) garbage dump: bãi rác
- d) water pollution: ô nhiễm nước
- e) deforestation: tàn phá rừng
- f) dynamite fishing: đánh bắt cá bằng mìn

LISTEN AND READ (page 47,48)

a. Match the names in column A with the tasks in column B.

- 1. - **f**: Group 1 walk along the shore.
- 2. - **e**: Group 2 check the sand.
- 3. - **b**: Group 3 check the rocks.
- 4. - **a**: Mr. Jones collects all the bags and takes them to the garbage dump.
- 5. - **c**: Mrs. Smith provides a picnic lunch for everyone.
- 6. - **d**: Mr. Brown gives out the bags.

b. Answer.

- 1. Mr. Brown is the speaker.
- 2. All the others, volunteer conservationists, are the listeners.

3. They are on the beach/shore.
4. They are going to clean up the beach, collect garbage.
5. If they work hard, they'll make the spoiled dirty beach a clean and beautiful place again.
6. Yes, we have. We often collect the garbage and sweep up our school yard. Our school clean up the city streets, especially on days before great national holidays.
7. If the pollution continues, our world become harmful and unpleasant place to live.

SPEAK (page 49 – 50)

- a. *Try to persuade your partner to do the following things to protect the ...*

A: I think you should use public buses instead of motorbikes.

B: Why?

A: Because we can save energy and above all we can avoid traffic jams in cities, and reduce exhaust fume which is very harmful to people's health.

B: Oh, now I understand. We should put the matter at our class meeting next month.

- b. *Find possible answers to the questionnaire.*

- We reuse used paper and recycle waste paper.
- Use banana leaves to wrap food.
- We should use public means of transportation instead of private cars or motorbikes.

MƠI THẮC MẮC PHỤ HUYNH LIÊN HỆ CÔ NGỌC MY-SĐT: 0779939086

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 9-WEEK 21

UNIT 6 : THE ENVIRONMENT

❁ NEW WORDS:

Getting started – Listen and read :

- garbage = rubbish = trash (n) : rác
- garbage dump (n) : bãi rác
- garbage bin (n) : thùng rác
- pollute (v) : gây ô nhiễm
- ➔ pollution (n) : sự ô nhiễm
- ➔ pollutant (n) : chất gây ô nhiễm
- ➔ polluted (adj) : bị ô nhiễm # unpolluted (adj) : không ô nhiễm
- deforest (v) : phá rừng
- ➔ deforestation (n) : nạn phá rừng
- dynamite (n) : thuốc nổ
- spray (v) : phun xịt
- pesticide (n) : thuốc trừ sâu
- conserve (v) : giữ gìn, bảo tồn
- ➔ conservation (n) : sự giữ gìn, bảo quản
- ➔ conservationist (n) : người làm việc bảo vệ môi trường
- environment (n) : môi trường
- ➔ environmental (adj) : thuộc về môi trường
- ➔ environmentalist (n) : nhà môi trường học
- shore (n) : bãi biển, bờ biển
- provide (v) : cung cấp
- disappointed (adj) : thất vọng → disappointment (n) : sự thất vọng
- spoil (v) : phá hủy
- give out (v) : phân phát

Speak :

- banana leaves (n) : lá chuối
- wrap (v) : gói
- dissolve (v) : phân hủy
- save (v) : tiết kiệm
- reduce (v) : tiết giảm

- natural resources (n) : tài nguyên thiên nhiên
- harm (v) : gây hại
- ➔ harmful (adj) : có hại
- energy (n) : năng lượng
- prevent ... from (v) : ngăn chặn → prevention (n) : sự ngăn chặn
- instead of : thay vì
- exhaust fume (n) : khói thải
- litter (n) : vứt bừa bãi
- protect (v) : bảo vệ
- ➔ protection (n) : sự bảo vệ
- burn – burnt – burnt (v) : đốt
- reuse (v) : tái sử dụng
- produce (v) : sản xuất
- ➔ product (n) : sản phẩm
- ➔ production (n) : sự sản xuất

❖ GRAMMAR

A/ S + be + adj + (that) + S + V.....

(Clause)

1/ Getting a good job made him pleased.

→ He was _____.

2/ He passed the test with good scores. It is a surprise!

→ His parents are _____.

3/ We were happy to be there yesterday.

→ We were happy that _____.

4/ I didn't do the test well. I was worried.

→ I was _____.

5/ We saw you in town. We were happy.

→ We were _____.

B/ S + be + (a/an) + adj + N.

S + V + adv.

1/Mai is a bad worker.

→Mai works _____.

2/Tuan is a good tennis player.

→Tuan plays _____.

3/They are slow swimmers.

→They swim _____.

4/We are good teachers of Math.

→We teach _____.

5/Loan is a skillful painter.

→Loan paints _____.

C/ SUGGESTIONS

Let's + V_{nguyên mẫu}

I think we should + V_{nguyên mẫu}

I suggest + V_{ing}.....

I suggest that + we should + V_{nguyên mẫu}

Why don't we + V_{nguyên mẫu}?

Shall we + V_{nguyên mẫu} ?

1.Let's use banana leave to wrap food.

→I suggest

2.I think you should go to school by bus.

→I suggest that

3.What about putting garbage bins around the school yard.

→I think

4. Why don't we do some reading every day?

→He suggests

5.Let's put garbage bins around the schoolyard.

→I suggest

6.You should spend some weeks in Dalat.

→I suggest

7.Shall we help poor people?

→Why

8.I think you should use nets to catch fish.

→I suggest

9.Let's save money to help poor people.

→I think

10.Why don't we sing a song?

→She suggested.....

D/IF CLAUSE

If clause	Main clause
If + S + V ₁ / V _{s,es} ...	S + will / can + V... S + won't / can't + V...
If + S + don't / doesn't + V...	
If + S + is / am / are ...	
If + S + isn't / am not / aren't ...	

1.The woman will help us and we will make it easily.

→If

2.Mary will buy a bike. She will ride to school.

→If Mary has.....

3.Don't be careless or you will fall over the rocks.

→If

4.Hurry up or we'll be late for the meeting.

→If we are

5.Be careful or you will fall over the rock.

→If.....

6. Burn the trash and the air will be polluted.

→If.....

EXERCISES

I/MULTIPLE CHOICE

1. I'm ____ that people have spoiled this area. (pleased / disappointed / glad / satisfied)
2. I'm disappointed _____ people have spoiled this area. (that / when / if / how)
3. _____ air is one of the many problems we have to solve. (Pure / Polluted / Dust / Pleasant)
4. I'll be in trouble if I _____ my passport. (lose / will lose / lost / would lose)
5. If it _____ tomorrow, we won't have a picnic. (will rain / rained / rains / were raining)
6. We can protect the environment by reducing air _____. (polluted / pollution / pollutes / pollute)
7. Farmers usually use _____ to kill insects and weeds. (dynamite / bags / power / pesticides)
8. If people stop using _____ for fishing, a lot of sea creatures will be well preserved.
(dynamite / foam / pesticide / food)
9. We have to take our spoiled food to the _____. (beach / river / garbage dump / water)
10. Crops are sprayed with _____ to kill insects. (fertilizer / pesticide / manure /dung)
11. We should do something _____ the environmental pollution. (about / on / in / for)
12. The students were divided _____ small groups. (for / from / in / into)
13. Mrs. Smith has kindly ____ a picnic lunch for everyone. (provided/provide/provides/to provide)
14. _____ may cause floods. (water / Deforestation / Wind / Dynamite)
15. Our teacher are pleased _____ we are working hard. (that / which / with / what)
16. He asked them to collect all the bags and take them to the _____.
(beach / area / garbage dump / forest)
17. Air _____ is often seen as a major environmental result of modern living.
(pollution / smoke / fume / sewage)
18. _____ are used to kill insects and weeds so as to help crops grow better.
(Pesticides / Dynamite / Treasures / Creatures)
19. It's necessary that we should collect all the bags and take them to the _____ dump.
(garbage / rubbish / trash / litter)
20. We must do something to _____ the environment. (reduce / pollute / save / protect)
21. We should put ____ around the school yard to prevent lazy students from throwing trash. (boxes / junk-yards / garbage bins / garbage dumps)
22. Plastic bags are very _____ to dissolve, so they will cause pollution.
(easy / hardly / difficult / valuable)
23. Use _____ leaves to wrap food. (carrot / banana / tea / coffee)
24. "I suggest using public buses instead of motorbikes."- " _____ "
(Yes, please / Good idea / We can / I'm afraid not)
25. Polluted water can be harmful for human's health, so we shouldn't _____ trash onto the water.
(save / throw / leave / bring)
26. Polluted water can directly do harm _____ people's health. (in /at /on /to)
27. Reuse and recycle bottles and cans to _____ garbage (burn / collect / produce / reduce)

28. Put the garbage ____around the school yard to keep the yard clean. (bins/dumps/trash/bottles)
29. Everyone must take part in ____deforestation.(permitting/protecting/persuading / preventing)
30. Because plastic bags are very hard to dissolve, they will cause _____.
(pollute / polluted / pollution / polluting)

II/WORD FORM

- 1/In order to keep our environment_____,we shouldn't drop litter in public places.(pollute)
- 2/Don't pump _____ into seas and rivers or it will pollute them. (sew)
- 3/Don't throw away _____ bottles,papers and glass. Take them to recycling centres.(use)
- 4/If we keep on _____ The air,more people will suffer from respiratory diseases.
(pollution)
- 5/_____ are interested in the protection of the environment. (conserve)
- 6/Without_____,some people wouldn't catch fish. (electric)
- 7/ The old man walked_____ to the park. (slow)
- 8/Everyone must take part in preventing_____. (forest)
- 9/Listen_____to him teaching us how to protect the environment. (care)
- 10/What is responsible for the _____ problems in your city ? (environment)
- 11/Make sure the use of_____ is not harmful to farm workers' health.(pest)
- 12/Try to persuade your classmates to do something_____the environment.(protection)
- 13/_____ trash will pollute the air. (burn)
- 14/Many factories still allow _____, such as toxic waste, to flow into our rivers.(pollute)
- 15/He was_____that they were not coming. (disappoint)
- 16/Air and water_____can make people ill. (pollute)
- 17/She has_____provided a picnic lunch for us. (kind)
- 18/The air in the city is very_____. (pollute)
- 19/We are talking about the preservation of_____resources. (nature)
- 20/They are going _____all the plastic bags. (collection)

MÔN MỸ THUẬT LỚP 9
(Từ ngày 24/1/2022 đến ngày 29/1/2022)

SƠ LƯỢC VỀ MỸ THUẬT THỜI NGUYỄN
(1802– 1945)

I. VÀI NÉT VỀ BỐI CẢNH LỊCH SỬ

- Sau khi thống nhất đất nước, nhà Nguyễn chọn Huế làm kinh đô.

II. MỘT SỐ THÀNH TỰU VỀ MỸ THUẬT

- Mỹ thuật thời Nguyễn phát triển đa dạng, còn để lại một số công trình nghệ thuật có giá trị cho kho tàng văn hoá dân tộc.

1. Kiến trúc kinh đô Huế

- Là quần thể kiến trúc gồm có Hoàng thành, các cung điện, lăng tẩm... được xây dựng theo quan điểm của triều đình và theo sở thích của các vị vua.
- Bên cạnh Phòng thành, Hoàng thành, Tử Cấm Thành, đàn Nam Giao,... còn có những lăng tẩm nổi tiếng như lăng Gia Long, lăng Minh Mạng, lăng Tự Đức.
- Cố đô Huế được UNESCO (Tổ chức Văn hoá, Khoa học và Giáo dục của Liên hợp quốc) công nhận là Di sản văn hoá thế giới (1993).



Điện Thái Hòa (Huế)



Xung Khiêm tạ bên hồ Lưu Khiêm, lăng Tự Đức (Huế)

2. Điều khắc và đồ họa, hội họa

a) Điều khắc

- Điều khắc cung đình Huế mang tính tượng trưng rất cao.
- Một số lượng lớn tượng thờ còn đến ngày nay là: tượng Hộ pháp, tượng Kim cương, tượng La hán; các tượng Thánh mẫu,.. như ở chùa Trăm Gian (Hà Tây), chùa Chân Tiên (Hà Nội),...



Tượng Quan hầu, lăng Khải Định (Huế)

b) Đồ họa, hội họa

- Cùng với dòng tranh dân gian Đông Hồ và Hàng Trống còn có dòng tranh Kim Hoàng (Hoài Đức, Hà Tây), tranh làng Sinh (Phú Mậu, Huế).

- Việc thành lập Trường Mỹ thuật Đông Dương (1925) ở Hà Nội đã mở ra một hướng mới cho sự phát triển của Mỹ thuật Việt Nam.



Tranh Khảm Sành, sứ trong lăng Khải Định (Huế)

III. MỘT VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA MỸ THUẬT THỜI NGUYỄN

- Kiến trúc hài hoà với thiên nhiên, luôn kết hợp với nghệ thuật trang trí và có kết cấu tổng thể chặt chẽ (tiêu biểu là kiến trúc kinh đô Huế).

- Điêu khắc và đồ họa, hội họa đã phát triển đa dạng, kế thừa truyền thống dân tộc và bước đầu tiếp thu nghệ thuật châu Âu (Pháp).

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Thầy Hoàng Phương

SĐT: 0383871263

Cô Đài Trang

SĐT: 0833453585

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: LÝ-HÓA

MÔN HÓA HỌC KHỐI 9

(Từ ngày 24 /01/2021 đến ngày 30 /01/2021)

Tiết 37

Chủ đề :

SILICON . CÔNG NGHIỆP SILICAT

A. LÝ THUYẾT :

I . Tính chất vật lý

Silicon(Si) là chất rắn, màu xám.

Khó nóng chảy.

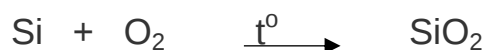
Có vẻ sáng của kim loại.

Silicon tinh thể là chất bán dẫn: là chất cách điện ở nhiệt độ thường, khi ở nhiệt độ cao trở thành chất dẫn điện. Silicon tinh thể được ứng dụng làm chất bán dẫn trong kỹ thuật điện tử, chế tạo pin mặt trời.

II . Tính chất hóa học

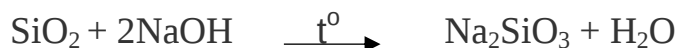
Silicon (Si) là phi kim hoạt động hóa học yếu hơn carbon(C) , chlorin(Cl)

Tính chất hóa học đặc trưng của Si là tính khử, ở nhiệt độ cao tác dụng với oxygen tạo thành silicon dioxide



III . Silicon dioxide (SiO₂)

Silicon dioxide là acid oxide tác dụng với kiềm và base oxide tạo thành muối silicat ở nhiệt độ cao



Silicon dioxide không phản ứng với nước

IV . Công nghiệp silicat

Công nghiệp silicat là một ngành công nghiệp rất phát triển hiện nay, đi từ các hợp chất của silicon trong tự nhiên cùng với các hợp chất khác để sản xuất các đồ dùng, vật liệu có nhiều ứng dụng trong đời sống như:

- Đồ gốm, đồ sứ.
- Thủy tinh.
- Xi măng.

1. Sản xuất đồ gốm

Đồ gốm gồm: gạch ngói, gạch chịu lửa và sành, sứ

a. Nguyên liệu chính

Đất sét, thạch anh, fenspat.

b. Các công đoạn chính

Nào đất sét, thạch anh và fenspat với nước để tạo thành khối dẻo để tạo hình sau đó sấy khô thành các đồ vật.

- Nung các đồ vật đã được tạo hình ở nhiệt độ cao thích hợp.



Sứ



Ngói



Gạch chịu lửa

2. Sản xuất xi măng

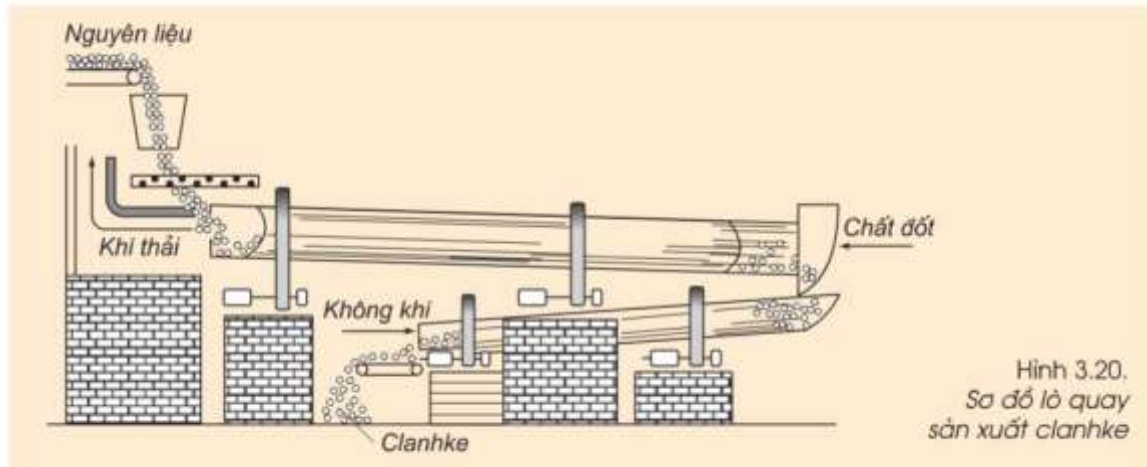
Xi măng là nguyên liệu kết dính trong xây dựng , có thành phần chính là canxi silicat và canxi aluminat.

a. Nguyên liệu chính : Đất sét, đá vôi, cát ...

b. Các công đoạn chính:

- Nghiền nhỏ đá vôi đất sét và trộn cát với nước thành dụng bùn.

- Nung hỗn hợp trên trong lò quay hoặc lò đứng ở 1400°C - 1500°C thu được clanke rắn.
- Nghiền clanke nguội và phụ gia thành bột mịn thu được sản phẩm là xi măng.



3. Sản xuất thủy tinh

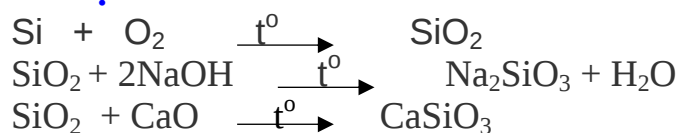
a. Nguyên liệu chính: Na_2SiO_3 và CaSiO_3 .

b. Các công đoạn chính

- Trộn cát với đá vôi theo tỉ lệ thích hợp.
- Nung hỗn hợp ở khoảng 900°C được thủy tinh dẻo.
- Làm nguội từ từ thủy tinh dẻo, ép thủy tinh dẻo thành các đồ vật.



B. VÍ DỤ:



C. PHIẾU HỌC TẬP:

- 1/ Hãy nêu một số đặc điểm của nguyên tố silicon về trạng thái thiên nhiên, tính chất và ứng dụng.
- 2/ Thành phần chính của xi măng là gì? Cho biết nguyên liệu chính và mô tả sơ lược các công đoạn sản xuất xi măng
- 3/ Sản xuất thủy tinh như thế nào? Viết các phương trình hóa học của phản ứng xảy ra trong quá trình nấu thủy tinh.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

1 Thầy Tài SĐT: 0384016912

2 Thầy Hậu SĐT: 0933351932

3. Cô Huệ SĐT: 0785656236

4. Cô Xem SĐT: 0767108446

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ: LÝ-HÓA

MÔN HÓA HỌC KHỐI 9

(Từ ngày 24 /01/2021 đến ngày 30 /01/2021)

Tiết 38,39

Chủ đề :

SƠ LƯỢC BẢNG TUẦN HOÀN CÁC NGUYÊN TỐ HÓA HỌC

A. LÝ THUYẾT :

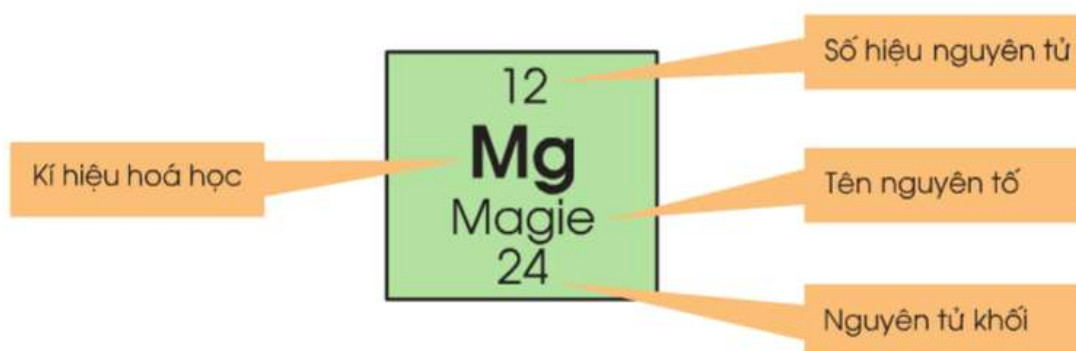
I. Nguyên tắc sắp xếp các nguyên tố trong bảng tuần hoàn

Các nguyên tố được sắp xếp trong bảng tuần hoàn hóa học theo *chiều tăng dần của điện tích hạt nhân nguyên tử*.

II. Cấu tạo bảng tuần hoàn

1. Ô nguyên tố

- Mỗi một nguyên tố hóa học được xếp vào một ô trong bảng tuần hoàn gọi là ô nguyên tố
- Ô nguyên tố cho biết: kí hiệu hóa học, số hiệu nguyên tử, tên nguyên tố, nguyên tử khối của nguyên tố đó



- Số hiệu nguyên tử có số trị bằng đơn vị điện tích hạt nhân và bằng số electron có trong nguyên tử.
- Số hiệu nguyên tử cũng là vị trí của nguyên tố trong bảng tuần hoàn.

Ví dụ: Ở hình 1: Nguyên tố magnesium:

- Có số hiệu nguyên tử là 12

- Magnesium ở ô số 12 trong bảng tuần hoàn.
- Điện tích hạt nhân nguyên tử là 12+
- Có 12 electron trong nguyên tử.

2. Chu kì

- Chu kì là dãy các nguyên tố mà nguyên tử của chúng có cùng số lớp electron và được sắp xếp theo chiều tăng dần của điện tích hạt nhân từ trái sang phải.
- **Số thứ tự của chu kì bằng số lớp electron.**

2	3 Li Liti 7	4 Be Beri 9	5 B Bo 11	6 C Cacbon 12	7 N Nitơ 14	8 O Oxi 16	9 F Flo 19	10 Ne Neon 20
---	-----------------------------	-----------------------------	---------------------------	-------------------------------	-----------------------------	----------------------------	----------------------------	-------------------------------

Hình 2 :Chu kỳ 2 của bảng tuần hoàn hóa học .

- Bảng tuần hoàn gồm 7 chu kì, chu kì 1, 2 ,3 gọi là chu kì nhỏ và chu kì 4, 5, 6, 7 gọi là chu kì lớn.

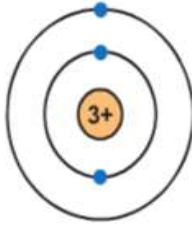
Ví dụ: Quan sát chu kì 2 ở trên ta thấy chu kì gồm 8 nguyên tố từ Li đến Ne và đều có 2 lớp electron. Điện tích hạt nhân tăng dần từ Li là 3+ đến Ne là 10+.

3.Nhóm

- Các nguyên tố mà nguyên tử của chúng có số electron lớp ngoài cùng bằng nhau, do đó có tính chất hóa học tương tự nhau được sắp xếp vào một cột trong bảng tuần hoàn theo chiều tăng dần điện tích hạt nhân (từ trên xuống) tạo các nhóm trong bảng tuần hoàn.
- **Số thứ tự của nhóm bằng số electron lớp ngoài cùng của nguyên tử.**

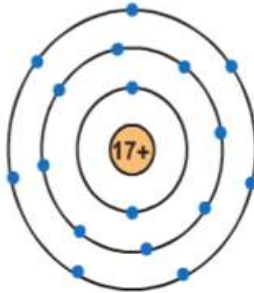
Ví dụ: Quan sát nhóm I và VII và cấu tạo của 2 nguyên tử Liti và Clo dưới đây đây ta thấy

I	VII	
3 Li Liti 7	9 F Flo 19	
11 Na Natri 23	17 Cl Clo 35,5	
19 K Kali 39	35 Br Brom 80	
37 Rb Rubidi 85	53 I Iot 127	
55 Cs Xesi 132	85 At Atatin 210	
87 Fr Franxi 223		



Liti

Nguyên tử Li (nhóm I) có 1 electron lớp ngoài cùng



Clo

Nguyên tử Cl (nhóm VII) có 7 electron lớp ngoài cùng

Hình 3: Nhóm I , VII và cấu tạo Liti ,Clo

- **Nhóm I** gồm các nguyên tố kim loại hoạt động mạnh, nguyên tử của chúng đều có 1 electron ở lớp ngoài cùng. *Điện tích hạt nhân tăng từ Li (1+) đến Fr(87+).*
- **Nhóm VII** gồm các nguyên tố phi kim hoạt động mạnh, nguyên tử của chúng đều có 7 electron ở lớp ngoài cùng. *Điện tích hạt nhân tăng từ F(9+) đến At(85+).*

III. Sự biến đổi tính chất của các nguyên tố trong bảng tuần hoàn.

1. Trong một chu kì

Trong một chu kì theo chiều tăng dần của điện tích hạt nhân (từ trái qua phải) thì

- Số lớp electron lớp ngoài cùng của nguyên tử tăng dần.

- Tính kim loại của các nguyên tố giảm dần, đồng thời tính phi kim của các nguyên tố tăng dần.

Ví dụ: Quan sát chu kì 2 và chu kì 3 ta thấy

2	3 Li Liti 7	4 Be Beri 9	5 B Bo 11	6 C Cacbon 12	7 N Nitơ 14	8 O Oxi 16	9 F Flo 19	10 Ne Neon 20
---	-----------------------------	-----------------------------	---------------------------	-------------------------------	-----------------------------	----------------------------	----------------------------	-------------------------------

Chu kì 2

- Số electron lớp ngoài cùng tăng dần từ 1 đến 8.
- Đầu dãy là kim loại mạnh Li, cuối dãy là phi kim mạnh F, kết thúc là khí hiếm Ne.

3	11 Na Natri 23	12 Mg Magie 24	13 Al Nhôm 27	14 Si Silic 28	15 P Photpho 31	16 S Lưu huỳnh 32	17 Cl Clo 35,5	18 Ar Argon 40
---	--------------------------------	--------------------------------	-------------------------------	--------------------------------	---------------------------------	-----------------------------------	--------------------------------	--------------------------------

Chu kì 3

- Số electron lớp ngoài cùng tăng dần từ 1 (Na) đến 8 (Ar).
- Đầu dãy là kim loại mạnh Na, cuối dãy là phi kim mạnh Cl, kết thúc chu kì là khí hiếm Ar.

2. Trong một nhóm

Trong một nhóm theo chiều tăng dần của điện tích hạt nhân (từ trên xuống dưới) thì:

- Số lớp electron của nguyên tử tăng dần
- Tính kim loại của các nguyên tố tăng dần đồng thời tính phi kim của nguyên tố giảm dần.

Ví dụ: Quan sát nhóm I và nhóm VII ta thấy:

Nhóm	Số nguyên tử	Thứ tự nguyên tử	Số lớp electron	Số lớp electron lớp ngoài cùng	Tính chất
Nhóm I	6	Li -> Fr	2-7	1	Từ Li đến Fr tính kim loại tăng, tính phi kim giảm dần
Nhóm VII	5	F -> At	2-6	7	Từ F đến At tính phi kim giảm, tính kim loại tăng dần

Theo chiều tăng dần của điện tích hạt nhân nguyên tử.

Theo chiều tăng dần bán kính hạt nhân nguyên tử.

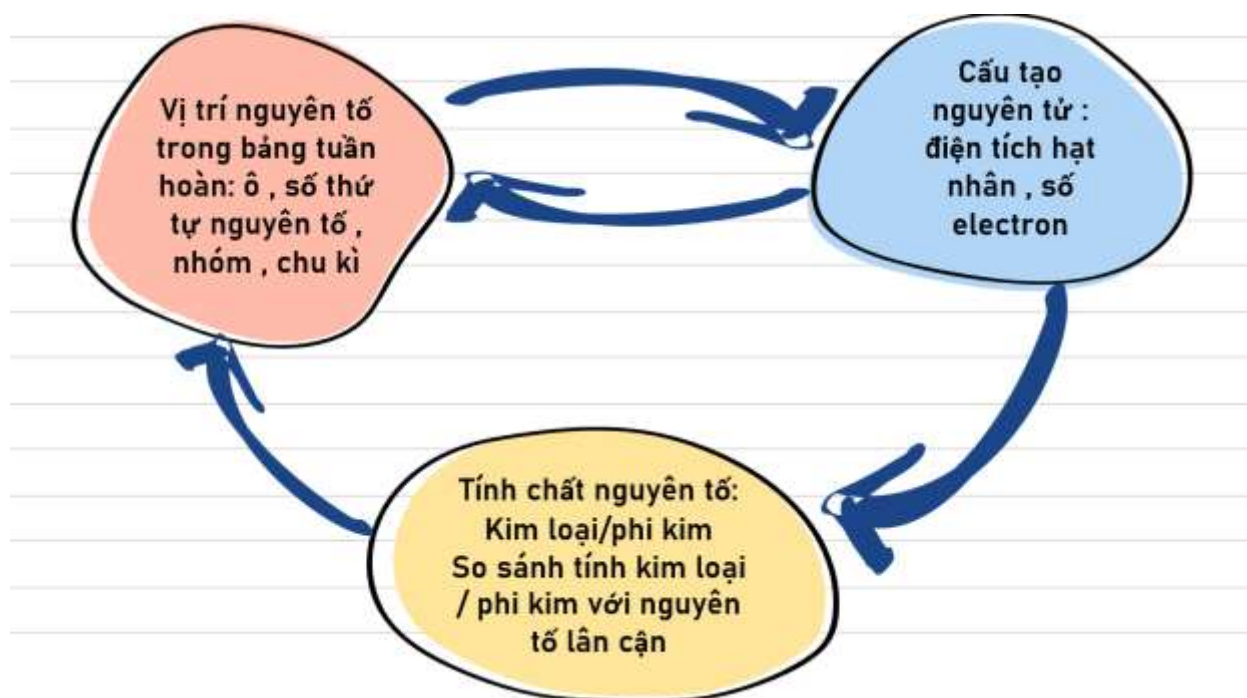
Theo chiều tăng dần khối lượng nguyên tử.

Theo chiều giảm dần của điện tích hạt nhân nguyên tử.

Kiểm tra

IV. Ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học

- Biết vị trí của nguyên tố ta có đoán cấu tạo nguyên tử và tính chất của nguyên tố đó.
- Ngược lại, nếu biết cấu tạo nguyên tử của nguyên tố ta có thể suy đoán và tính chất của nguyên tố đó.



B. BÀI TẬP :

1/ Biết nguyên tố A có số hiệu nguyên tử là 17, chu kỳ 3, nhóm VII. Hãy cho biết cấu tạo nguyên tử, tính chất của nguyên tố A và so sánh với các nguyên tố lân cận.

Trả lời:

A có số hiệu nguyên tử là 17 nên A ở ô thứ 17 trong bảng tuần hoàn. Tên A là chlorin (Cl =35,5), có điện tích hạt nhân là 17+, có 17 electron.

Cl ở chu kỳ 3, nhóm VII nên Cl có 3 lớp electron và có 7 electron ở lớp ngoài cùng.

Cl ở cuối chu kỳ 3, nên Cl là phi kim hoạt động mạnh.

Cl mạnh hơn S, Br

Cl yếu hơn F.

2/ Nguyên tử của nguyên tố X có điện tích hạt nhân là 16+, 3 lớp electron và có 6 electron ở lớp ngoài cùng. Hãy cho biết vị trí của X trong bảng tuần hoàn và tính chất cơ bản của nó.

Trả lời:

Nguyên tử của nguyên tố X có điện tích hạt nhân là 16+, 3 lớp electron và có 6 electron ở lớp ngoài cùng nên X ở ô thứ 16, chu kỳ 3 nhóm VI, là nguyên tố phi kim vì đứng gần cuối chu kỳ 3 và gần đầu nhóm VI.

C. PHIẾU HỌC TẬP :

1/ Dựa vào bảng tuần hoàn, hãy cho biết cấu tạo nguyên tử, tính chất kim loại, phi kim của các nguyên tố có số hiệu nguyên tử 7, 12, 16

2/ Biết X có cấu tạo nguyên tử như sau: điện tích hạt nhân là 11+, 3 lớp electron, lớp ngoài cùng có 1 electron. Hãy suy ra vị trí của X trong bảng tuần hoàn và tính chất hóa học cơ bản của nó.

3/ Hãy cho biết cách sắp xếp nào sau đây đúng theo chiều tính kim loại giảm dần:

a. Na, Mg, Al, K

b. K, Na, Mg, Al

c. Al, K, Na, Mg

d. Mg, K, Al, Na

4/ Hãy sắp xếp các nguyên tố sau theo chiều tính phi kim tăng dần:

F, O, N, P, As

Dẫn dò:

- Hoàn thành phiếu học tập.
- Chuẩn bị bài tiếp theo.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

1 Thầy Tài SĐT: 0384016912

2 Thầy Hậu SĐT: 0933351932

3.Cô Huệ SĐT: 0785656236

4. Cô Xem SĐT: 0767108446

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ VẬT LÝ

MÔN: VẬT LÝ – KHỐI 9

(Từ ngày 24/01/2022 đến ngày 29/01/2022)

Tiết 37 - CHỦ ĐỀ 20: DÒNG ĐIỆN XOAY CHIỀU VÀ MÁY PHÁT ĐIỆN XOAY CHIỀU

I. Dòng điện xoay chiều

Nhận xét:

- Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín tăng hoặc giảm thì dòng điện cảm ứng trong cuộn dây ở hai trường hợp đó có chiều ngược nhau.
- Khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện S của cuộn dây dẫn kín luân phiên tăng, giảm thì dòng điện cảm ứng trong cuộn dây cũng luân phiên đổi chiều.

Kết luận:

Dòng điện luân phiên đổi chiều được gọi là dòng điện xoay chiều.

II. Nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều trong máy phát điện xoay chiều.

1. Cho nam châm quay trước cuộn dây dẫn kín.
2. Cho cuộn dây dẫn kín quay trong từ trường

Trong các máy phát điện xoay chiều, để số đường sức từ qua tiết diện của cuộn dây dẫn kín luân phiên tăng, giảm và trong cuộn dây xuất hiện dòng điện cảm ứng xoay chiều, người ta cho cuộn dây quay trong từ trường của nam châm hoặc cho nam châm quay trước cuộn dây.

III. Nguyên tắc cấu tạo và hoạt động của máy phát điện xoay chiều

Máy phát điện xoay chiều có hai bộ phận chính:

- Nam châm để tạo ra từ trường, có thể là nam châm vĩnh cửu hoặc nam châm điện.
- Cuộn dây dẫn để tạo ra dòng điện cảm ứng xoay chiều.

Một trong hai bộ phận đó đứng yên, gọi là stato; bộ phận còn lại có thể quay được gọi là rôto.

TIẾT 38 - CHỦ ĐỀ: LUYỆN TẬP

1) Dòng điện xoay chiều trong mạng điện gia đình ở nước ta có tần số là 50 Hz. Em hãy cho biết dòng điện luân phiên đổi chiều bao nhiêu lần trong mỗi giây?

.....
.....

2) Trong dynamo xe đạp, người ta dùng nam châm vĩnh cửu hay nam châm điện? Bộ phận nào là rôto, là stato? Có bộ phận chính nào của máy cần sử dụng bộ góp điện hay không? Dòng điện do máy phát ra dòng điện xoay chiều hay dòng điện một chiều? vì sao?

.....
.....
.....
.....
.....

3) Dòng điện cảm ứng xuất hiện trong một cuộn dây dẫn kín là dòng điện xoay chiều khi số đường sức từ xuyên qua tiết diện của cuộn dây

- A. liên tục tăng.
- B. liên tục giảm.
- C. luân phiên tăng, giảm.
- D. Giữ nguyên không đổi.

4) Để tạo ra dòng điện xoay chiều trong máy phát điện xoay chiều, người ta dùng

- A. chuyển động dao động qua lại của nam châm trước cuộn dây dẫn.
- B. chuyển động quay của nam châm hoặc cuộn dây dẫn.
- C. chuyển động thẳng tới lui của nam châm trước cuộn dây dẫn.
- D. chuyển động thẳng tới lui của cuộn dây dẫn trước nam châm.

5) Các bộ phận của một máy phát điện xoay chiều luôn phải có là

- A. nam châm và cuộn dây dẫn.
- B. nam châm, cuộn dây dẫn và bộ góp.
- C. nam châm và bộ góp.

D. cuộn dây dẫn và bộ góp.

6) Rôto trong máy phát điện xoay chiều

A. luôn là nam châm.

B. luôn là cuộn dây dẫn

C. có thể là nam châm hoặc cuộn dây dẫn.

D. là bộ phận đứng yên.

***YÊU CẦU**

- Chép nội dung lý thuyết vào tập.

- Làm phần bài tập vào tập.

Mọi thắc mắc Quý PH vui lòng liên lạc:

- Cô Tâm – 0975375268

- Cô Ngọc – 0967828984

- Thầy Châu – 0974498493

- Thầy Hiền - 0937013009

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ ĐỊA LÍ

MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 9
(Từ ngày 24/1/2022 đến 29/1/2022)

BÀI 30: THỰC HÀNH
SO SÁNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÂY CÔNG NGHIỆP LÂU NĂM
Ở TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ VỚI TÂY NGUYÊN

A. LÝ THUYẾT

Câu 1: Dựa vào các thông tin trong bảng 30.1 trang 112 SGK về tình hình sản xuất một số cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ, năm 2001.

a. Cho biết những cây công nghiệp lâu năm nào trồng được ở cả hai vùng?

.....

.....

.....

.....

b. Cây công nghiệp lâu năm nào chỉ trồng ở Tây Nguyên mà không trồng được ở Trung du và miền núi Bắc Bộ?

.....

.....

.....

.....

c. So sánh sự chênh lệch về diện tích, sản lượng của cây chè, cà phê ở hai vùng ?

.....

.....

.....
.....
.....
.....

Câu 2: Viết báo cáo ngắn gọn về tình hình sản xuất, phân bố và tiêu thụ sản phẩm của một trong hai cây công nghiệp: cà phê, chè.

GIẢM TÀI THEO CÔNG VĂN 4040 CỦA BỘ

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

D. DẶN DÒ

- Học sinh làm bài thực hành vào tập.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Nguyễn Thị Ngọc Thơ

-SĐT: 0933773181

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 9
HỌC KÌ 2, TUẦN 19

(Từ ngày 24 /01/2022- 20 /01/2022)

Chủ đề tích hợp : CÁC DẠNG BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

A. Văn bản: BÀN VỀ ĐỌC SÁCH

Chu Quang Tiềm

I. Đọc- hiểu chú thích

a. Tác giả

- Chu Quang Tiềm (1897-1986)
- Nhà mĩ học và lí luận văn học nổi tiếng của Trung Quốc.

b. Tác phẩm

- Trích trong cuốn “Doanh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách”.
- Kiểu văn bản: nghị luận.

II. Đọc - hiểu văn bản

1. Tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách

*** Tầm quan trọng**

- Sách là nơi ghi chép mọi thành quả của nhân loại đã bỏ công tìm tòi, tích lũy qua từng thời đại.
- Sách là kho tàng quý báu cất giữ tài sản tinh thần của nhân loại, là những cột mốc trên con đường phát triển học thuật của nhân loại.

*** Ý nghĩa của việc đọc sách**

- + Đọc sách là con đường tích lũy, nâng cao vốn tri thức.
- + Đọc sách là sự chuẩn bị để có thể làm cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, để phát hiện thế giới mới.

➔ Cách lập luận:

- + Đưa ý khái quát-> Tìm lí lẽ phân tích làm rõ luận điểm.
- + Dùng các câu ghép có cặp quan hệ từ: Nếu - thì

2. Những khó khăn khi đọc sách trong tình hình hiện nay.

- Sách nhiều khiến người đọc không chuyên sâu -> đọc câu thả không biết nghiền ngẫm.
- Sách nhiều dễ khiến người ta lạc hướng, lãng phí thời gian và sức lực với những cuốn không thật có ích.

-> Cách trình bày và nêu lí lẽ, dẫn chứng chặt chẽ, sâu sắc, có hình ảnh, gây ấn tượng và giàu sức thuyết phục.

3. Phương pháp đọc sách đúng đắn

- Cách chọn sách:

- + Chọn cho tinh, đọc cho kĩ
- + Chọn những quyển có giá trị, có ích mình.
- + Đọc cả sách thường thức và tài liệu chuyên môn

- Cách đọc:

- + Đọc kĩ, không đọc lướt, đọc có suy nghĩ nghiền ngẫm.
- + Kết hợp sách thường thức và chuyên môn.

- Phương pháp đọc sách

- + Không đọc tràn lan, đọc có kế hoạch, có hệ thống.
- + Đọc sách còn rèn tính cách và chuyện học làm người.

III. Ý nghĩa: Sgk

.....

Chủ đề tích hợp : CÁC DẠNG BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (tiếp theo)

B. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG, ĐỜI SỐNG

I. Tìm hiểu bài

1/ Thế nào là nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống?

* Phân tích ngữ liệu: Văn bản “Bệnh lề mề”

*** Nhận xét:**

- *Vấn đề nghị luận*: Bệnh lề mề (sai hẹn)
- Hiện tượng có ý nghĩa xã hội: một căn bệnh khá phổ biến trong đời sống hiện nay.

-> **Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống xã hội là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê, hay có vấn đề đáng suy nghĩ.**

2/ Yêu cầu khi làm bài văn nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

a/ Về nội dung

- Nêu sự vật, hiện tượng có vấn đề
- Phân tích những nguyên nhân, tác hại, mặt sai trái của sự việc, hiện tượng.
- Bày tỏ thái độ, ý kiến của người viết

b/ Về hình thức

- Bố cục mạch lạc
- Luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, phép lập luận phù hợp, lời văn chính xác.

3/ Cách làm bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

* **Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý**

* *Tìm hiểu đề:*

- Xác định kiểu bài
- Nội dung nghị luận
- Phạm vi tư liệu cần sử dụng khi làm bài

VD: Đề bài Sgk/22

Đề a: Tắm gương HS nghèo vượt khó

Đề b: Trò chơi điện tử

Đề c: Hiện tượng xả rác

* *Tìm ý*

- *Các biểu hiện:*

- cuộc họp ấn định 8 giờ -> 9 giờ đến
- cuộc hội thảo 14 giờ -> 15 giờ đến

* *Nguyên nhân tạo nên bệnh lề mề:*

- Coi thường việc chung, chỉ quý thời gian của mình mà không tôn trọng thời gian người khác.
- Thiếu lòng tự trọng.
- Đề cao mình mà không tôn trọng người khác.

* *Tác hại của bệnh lề mề:*

- Làm phiền mọi người.
- Làm mất thời gian của người khác.
- Tạo ra tập quán không tốt.

* *Phê phán những người mắc bệnh lề mề*

* *Hướng khắc phục (nêu giải pháp)*

- Mọi người phải tôn trọng lẫn nhau
- Những cuộc họp không cần thiết thì không nên tổ chức
- Mọi người cần tham dự đúng giờ những buổi họp cần thiết.

* **Bước 2: Lập dàn ý:** 3 phần:

- *Mở bài:* Giới thiệu sự việc, hiện tượng có vấn đề.
- *Thân bài:* Liên hệ thực tế, phân tích các mặt, các biểu hiện, đánh giá, nhận định.
- *Kết bài:* Kết luận khẳng định, phủ định, nêu lời khuyên.

* **Bước 3: Viết bài**

* **Bước 4: Đọc lại bài và sửa chữa sai sót**

II. Ghi nhớ: Sgk/21, 24

.....

Chủ đề tích hợp : CÁC DẠNG BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (tiếp theo)

C. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

I. Tìm hiểu bài

1/ Thế nào là bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí ?

*** Phân tích ngữ liệu:** “Tri thức là sức mạnh” (Sgk/34)

*** Nhận xét:**

- Vấn đề nghị luận: Bàn về giá trị của tri thức khoa học và vai trò của người trí thức trong phát triển khoa học.
- Bố cục 3 phần chặt chẽ.
- Phép lập luận : chứng minh
- Bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống của con người
- > **Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống... có ý nghĩa quan trọng đối với cuộc sống của con người.**

2/ Yêu cầu của bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:

*** Về nội dung:** Làm sáng tỏ các vấn đề tư tưởng, đạo lí bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích, để chỉ ra chỗ đúng, sai của một tư tưởng nào đó, nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.

*** Về hình thức:**

- Bố cục ba phần : Mở bài, Thân bài, Kết bài rõ ràng
- Luận điểm đúng đắn ; lập luận chặt chẽ, mạch lạc, lời nói rõ ràng, sinh động.

3/ Cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí:

a. Phân tích ngữ liệu: Sgk/53

*** Bước 1: Tìm hiểu đề và tìm ý**

*** Tìm hiểu đề**

VD: Đề bài: Suy nghĩ về đạo lí «Uống nước nhớ nguồn »

- Thể loại: Nghị luận về một vấn đề đạo lí.
- Vấn đề nghị luận: Lòng biết ơn
- Phạm vi: trong cuộc sống

*** Tìm ý :**

VD : Đề bài: Suy nghĩ về đạo lí «Uống nước nhớ nguồn »

- + Giải thích khái niệm (từ ngữ, hình ảnh, cách nói...).
- + Phân tích, lí giải
- + Bình luận, đánh giá.
- Nghĩa đen : Khi ta uống nước thì phải biết nước ở nguồn nào mà có
- Nghĩa bóng :
 - + Nước: Những thành quả mà con người được hưởng thụ, bao gồm các giá trị vật chất (cơm ăn, áo mặc, nhà cửa...), giá trị tinh thần (nghệ thuật, lễ tết,...)

+ Nguồn: Tổ tiên, tiền bối...là những người vô danh và hữu danh có công tạo dựng nên đất nước, làng xã... bằng mồ hôi lao động, và xương máu chiến đấu...

-> Khi ta hưởng thành quả gì (về vật chất và tinh thần) thì ta phải nhớ tới người đem đến thành quả đó.

- Chứng minh : biểu hiện/tác dụng, phản đề,...

+ Biểu hiện: đạo lí truyền thống của người VN - Sống biết ơn

+ Phản đề:

- Bình luận, đánh giá: ý nghĩa, bài học,...

+ Ý nghĩa : nhắc nhở mỗi người sống theo đạo lí

+ Bài học:

* **Bước 2 : Lập dàn ý :** Gồm 3 phần

* **Mở bài:**

- Giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lí cần bàn luận.

* **Thân bài:**

- Giải thích, chứng minh nội dung vấn đề tư tưởng, đạo lí.

- Nhận định, đánh giá vấn đề tư tưởng, đạo lí đó trong bối cảnh của cuộc sống riêng, chung.

* **Kết bài:**

- Kết luận, tổng kết, nêu nhận thức mới, tỏ ý khuyên bảo hoặc tỏ ý hành động.

* **Bước 3: Viết bài**

* **Bước 4: Đọc lại bài viết và sửa chữa**

II. Ghi nhớ: Sgk/54

.....

PHIẾU HỌC TẬP

Hoạt động : HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TẬP LÀM VĂN

Đề bài: Em hãy viết một bài văn bàn về “Tinh thần tự học” dựa trên dàn ý sau:

- Hướng dẫn hs lập dàn ý

a. Mở bài: Giới thiệu vấn đề

- Tự học là một trong những nhân tố quyết định kết quả học tập của mỗi người

b. Thân bài

* *Giải thích*

- Tự học là việc tự tìm tòi những điều mà bản thân có nhu cầu hiểu biết mà không cần sự tác động từ người khác.

- Tinh thần tự học xuất phát từ khao khát tri thức, chủ động học tập trong mọi lĩnh vực mà không ngại khó khăn hay gian khổ.

** Vai trò của việc tự học*

- Giúp rèn luyện và phát triển tư duy

- Phát triển các kỹ năng như tìm kiếm, phân tích và tổng hợp thông tin trong quá trình học.

- Xây dựng cho bản thân tính dẻo dai, bền bỉ, tinh thần tự giác và nghị lực.

- Không chỉ học trên ghế nhà trường, việc tự học còn giúp người học nắm chắc mọi vấn đề trong cuộc sống.

** Dẫn chứng*

+ Các tấm gương tự học trong sách báo

+ Các tấm gương của bạn bè xung quanh.

** Phản biện*

- Bên cạnh tinh thần tự học thì còn rất nhiều cá nhân ỷ lại từ thầy cô. Bị thụ động trong các vấn đề tự học.

- Phê phán và lên án một bộ phận như vậy.

** Lời khuyên về việc tự học*

- Tinh thần tự học là điều vô cùng cần thiết ở mỗi cá nhân.

- Việc tự học cần tự kiểm chứng, không tiếp thu kiến thức thụ động và luôn luôn làm phong phú chúng.

- Cần có kế hoạch tự học chi tiết.

- Cốt lõi của việc tự học là chú ý vào cách tư duy và cách tìm nguồn kiến thức học tập.

** Liên hệ bản thân*

- Là thế hệ đang ngồi trên ghế nhà trường thì việc rèn luyện cho bản thân tinh thần tự học là điều vô cùng cần thiết.

+ Đầu tiên cần phải xác định mục đích đúng đắn của việc học tập

+ Đề ra phương hướng, lộ trình học tập phù hợp với khả năng và mục tiêu của bản thân.

c. Kết bài: Khẳng định vai trò của tự học và tinh thần tự học trong việc phát triển và hoàn thiện nhân cách của mỗi con người.

- Đức kết bài học kinh nghiệm cho cá nhân.

.....

MỌI THẮC MẮC PHHS VÀ HS VUI LÒNG LIÊN HỆ:

Cô Yến Ngọc: 0349367617

Cô Trang: 0987585849

Cô Thanh: 07084399004

Cô Mai: 0935713253

Cô Thu Thủy: 0903192050

Cô Phượng: 0777796084

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: SỬ- GDCD

MÔN GDCD. KHỐI 9

TUẦN 19, 20 : TỪ NGÀY 24/1 ĐẾN NGÀY 29/01/2022

VÀ TỪ 7/02 ĐẾN NGÀY 12/02/2022

Bài 12: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÔNG DÂN TRONG HÔN NHÂN (2 tiết)

A. CHUYỂN GIAO NHIỆM VỤ HỌC TẬP

HOẠT ĐỘNG 1: TÌM HIỂU HÔN NHÂN LÀ GÌ?

Nhiệm vụ 1: Học sinh đọc phần đặt vấn đề SGK và trả lời câu hỏi:

Nhiệm vụ 2: HS đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi:

Anh An bị nhiễm HIV, trong khi chị P là người khỏe mạnh. Cả hai đều đã trưởng thành, có việc làm ổn định, hai anh chị rất yêu nhau. Chị P biết rõ bệnh tình của người yêu mình và tự nguyện kết hôn với anh A.

Câu 1: Pháp luật có cho phép anh A và chị P kết hôn với nhau hay không? Vì sao?

Câu 2: Theo em, pháp luật cấm kết hôn trong trường hợp nào?

HOẠT ĐỘNG 2: TÌM HIỂU CÁC NGUYÊN TẮC CƠ BẢN CỦA CHẾ ĐỘ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH Ở NƯỚC TA

Nhiệm vụ 1: Xem tranh và trả lời câu hỏi:



Hôn nhân trong xã hội phong kiến



Hôn nhân thời nay

Câu 1: So sánh hôn nhân trong xã hội Việt Nam thời phong kiến với hôn nhân trong xã hội ngày nay?

Câu 2: Hãy nêu những nguyên tắc chế độ hôn nhân ở Việt Nam?

Nhiệm vụ 2: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi:

Tình huống: Hà 18 tuổi, gia đình chị Hà thấy nhà anh Tân giàu nên ép con cưới. Khi chị Hà sinh cháu Tú thì ở nhà nuôi con. Anh Tân do công việc nên đã quen và đem lòng yêu chị Nga, họ lén lút quan hệ với nhau. Anh Tân không quan tâm đến vợ con và còn đánh đập chị Hà.

Câu 1: Em có nhận xét gì về cuộc hôn nhân này? Anh Tân có những hành vi nào vi phạm pháp luật? Chị Hà có thể có những cách xử sự thế nào?

Câu 2: Theo em vợ chồng có quyền và nghĩa vụ gì trong hôn nhân?

HOẠT ĐỘNG 3: TÌM HIỂU TÁC HẠI CỦA VIỆC KẾT HÔN SỚM

Nhiệm vụ 1: Học sinh xem ảnh và trả lời câu hỏi



Hôn nhân các cô gái còn rất trẻ

Câu 1: Theo em có nên kết hôn sớm không? Vì sao?

Câu 2: Em hiểu thế nào tảo hôn? Nêu tác hại của việc tảo hôn?

HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP

- HS làm bài tập 4, 5, 6 sgk

B. HƯỚNG DẪN HỌC SINH HỌC TẬP

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Luật hôn nhân và gia đình

Điều 5: Bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình

2. Cấm các hành vi sau đây:

Kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo;

Tảo hôn, cưỡng ép hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn;

Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có vợ, có chồng;

Kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời; giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.

Điều 8: Điều kiện kết hôn

Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:

Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;

Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;

Không bị mất năng lực hành vi dân sự;

Việc kết hôn thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật của Luật này.

2. Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới.

HOẠT ĐỘNG 1:

Nhiệm vụ 1:

Câu chuyện 1: SGK/40

Cuộc hôn nhân giữa T và K: Cuộc hôn nhân chỉ dựa trên sự giàu có, tiền tài. Do nhà K giàu nên mẹ T đã gả T cho K, không có sự tự nguyện của T.

Câu chuyện 2: SGK/41

Tình yêu của M và H: Không phải là một tình yêu đích thực, vì ko có sự tôn trọng lẫn nhau. H chỉ muốn lợi dụng M để chiếm đoạt đòi hỏi quá mức về giới hạn của tình yêu.

⇒ Để thực sự có hạnh phúc trong hôn nhân:

- Phải có sự đồng cảm, tôn trọng, bình đẳng lẫn nhau.
- Phải có sự tự nguyện của 2 bên, không vì tiền tài, địa vị. Đảm bảo những nguyên tắc cơ bản của hôn nhân, dựa trên cơ sở tình yêu chân chính

Tình yêu chân chính là cơ sở quan trọng của hôn nhân và gia đình hạnh phúc: Vì có sự đồng cảm chia sẻ hiểu nhau, tự nguyện tôn trọng lẫn nhau thì mới có thể có một gia đình hạnh phúc, nếu không thì hoàn toàn ngược lại.

⇒ Ý nghĩa : Tình yêu chân chính là sự đồng cảm sâu sắc giữa hai người, là sự chân thành tin cậy và tôn trọng lẫn nhau. Hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu chân chính.

Nhiệm vụ 2:

Hs tham khảo phần tư liệu tham khảo để trả lời

HOẠT ĐỘNG 2:

Hôn nhân thời phong kiến khác hôn nhân thời nay

Trong xã hội phong kiến	Trong xã hội ngày nay
- Hôn nhân sắp đặt, cưỡng ép, không tự nguyện. - Vợ chồng không bình đẳng. - Người đàn ông có quyền đa thê.	- Hôn nhân tự nguyện. - Tiến bộ, vợ chồng bình đẳng. - Một vợ một chồng được pháp luật bảo vệ.

HOẠT ĐỘNG 3:

Tác hại việc kết hôn sớm: không chỉ ảnh hưởng đến bản thân mà còn mang lại nhiều hệ lụy đến xã hội. Do vậy, bạn cần hiểu được kết hôn sớm là gì và những hậu quả của việc kết hôn sớm.

Kết hôn sớm hay còn gọi là tảo hôn là hiện tượng còn khá phổ biến tại Việt Nam đặc biệt là tại các vùng miền núi, xa xôi. Với những tập tục riêng mà những người dân nơi đây đều phải chấp nhận việc kết hôn sớm, điều này tuy không hoàn toàn là xấu nhưng nó cũng đã mang đến những hoàn cảnh khó khăn và xót xa.

Trong độ tuổi dưới 18 tuổi đối với nữ và dưới 20 tuổi đối với nam, cơ thể lúc này xét về mặt khoa học thì vẫn còn đang trong giai đoạn phát triển và hoàn thiện. Việc kết hôn sớm, đi kèm với những gánh nặng về gia đình có thể khiến việc phát triển thể chất và tinh thần không được bình thường. Chưa kể đến việc kết hôn sớm dễ ảnh hưởng đến sức khỏe của phụ nữ do mang thai sớm.

Việc kết hôn sớm đi kèm với rất nhiều trách nhiệm mà bạn cần làm cho gia đình như chăm sóc gia đình, người thân, con cái,... Việc mang trên mình quá nhiều trách nhiệm có thể khiến bạn gián đoạn việc học hành và cơ hội trải nghiệm và phát triển bản thân.

Không chỉ ảnh hưởng đến trực tiếp người kết hôn sớm. Việc chưa đủ tuổi, chưa trang bị kiến thức đầy đủ khi kết hôn cũng ảnh hưởng không nhỏ đến xã hội.

C. NỘI DUNG BÀI HỌC (HS ghi vào vở)

1. Khái niệm

Hôn nhân là sự liên kết đặc biệt giữa một nam và một nữ trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, được Nhà nước thừa nhận nhằm chung sống lâu dài, xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc.

2. Những quy định của Pháp luật nước ta về hôn nhân.

a. Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt Nam:

- Hôn nhân, tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng, vợ chồng bình đẳng.
- Hôn nhân giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo, giữa người Việt Nam với người nước ngoài đều được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.
- Vợ chồng phải thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.

b. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân:

- Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên việc kết hôn phải do nam nữ tự nguyện quyết định và phải được đăng kí tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Cấm kết hôn trong những trường hợp đang có vợ hoặc có chồng, người mất năng lực hành vi dân sự...
- Vợ chồng bình đẳng với nhau, tôn trọng nhau về nghề nghiệp nhân phẩm của nhau.

3.Trách nhiệm của công dân:

- Phải có thái độ thận trọng, nghiêm túc trong tình yêu và hôn nhân. Không vi phạm pháp luật về hôn nhân.
- Biết đánh giá đúng bản thân, hiểu ý nghĩa của luật hôn nhân gia đình.



Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

Cô Nguyễn Thị Ngọc Minh. SĐT 0374808967

Cô Phạm Quang Đài Trang. SĐT 0901738927

TIẾT 37-38: HIỆN TƯỢNG ƯU THỂ LAI VÀ THOẢI HÓA GIỐNG

I. HIỆN TƯỢNG ƯU THỂ LAI

1. Khái niệm ưu thế lai

Là hiện tượng con lai F1 có năng suất, sức sống, sức chống chịu, khả năng sinh trưởng và phát triển vượt trội so với bố mẹ.

Ví dụ:

2. Nguyên nhân phát sinh:

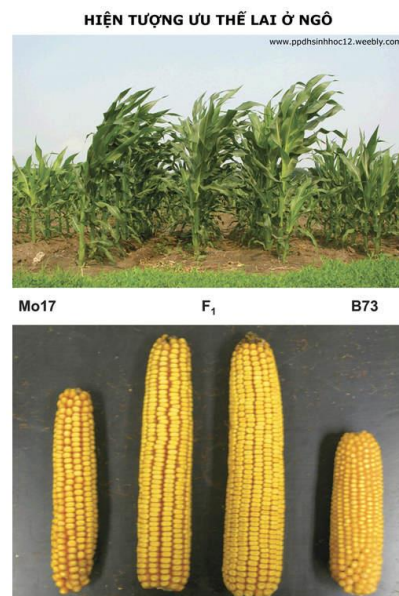
- Khi lai giữa.....có kiểu gen....., ưu thế lai biểu hiện rõ nhất. Vì hầu hết các cặp gen ở trạng thái dị hợp, chỉ có các gen.....có lợi mới được biểu hiện ở cơ thể F1, còn các gen.....có hại không được biểu hiện.

Ví dụ: P: AA bb DD x aaBB dd

→ F1:

- Ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở F1, sau đó qua các thế hệ.

3. Biện pháp duy trì ưu thế lai : nhân giống vô tính



II. CÁC PHƯƠNG PHÁP TẠO ƯU THỂ LAI

1. Phương pháp tạo ưu thế lai ở cây trồng: chủ yếu dùng phương pháp lai khác dòng.

VD1: P: Giống lúa DT10 (năng suất cao) x Giống lúa OM 80 (chất lượng gạo cao)

→ F1: Giống lúa DT17 (năng suất và chất lượng gạo cao)

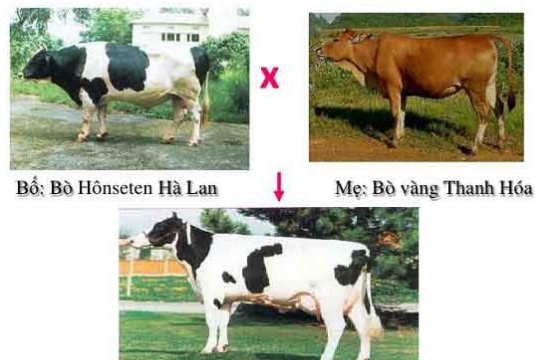
VD2:

2. Phương pháp tạo ưu thế lai ở vật nuôi: chủ yếu dùng phương pháp lai kinh tế

VD1: P: Lợn Ỉ Móng Cái x Lợn Đại bạch

→ F1: tăng trọng nhanh, tỉ lệ thịt nạc cao hơn

VD2:.....



III. ĐIỀU GÌ SẼ XẢY RA KHI CHO F1 TỰ THU PHẤN BẮT BUỘC HOẶC GIAO PHỐI GẦN?

1. Tự thụ phấn bắt buộc:

Các thế hệ sau có các biểu hiện:

VD: Cây ngô: thân lùn, bắp dị dạng, hạt ít;

2. Giao phối gần ở động vật:

Các thế hệ sau có các biểu hiện: sinh trưởng và phát triển chậm, khả năng sinh sản giảm,

VD: Gà con có đầu dị dạng, chân ngắn.

→ Hiện tượng thoái hóa giống

IV. NGUYÊN NHÂN, BIỂU HIỆN, VAI TRÒ CỦA THOÁI HÓA GIỐNG DO TỰ THỤ PHẤN BẮT BUỘC VÀ GIAO PHỐI CẬN HUYẾT

1. Nguyên nhân, biểu hiện của thoái hóa giống:

Qua các thế hệ:

- Tỷ lệ thể dị hợp
- Tỷ lệ thể đồng hợp

2. Vai trò:

- Củng cố duy trì các tính trạng
- Tạo dòng thuần chủng.
- Phát hiện và loại bỏ các gen



Mọi thắc mắc quý PH và HS liên hệ cô Tuyết (0389097016)

MÔN TIN HỌC - KHỐI 9

(Từ ngày 24/01/2022 đến ngày 28/01/2022)

LÝ THUYẾT

BÀI 8: BÀI TRÌNH CHIẾU (Tiết 1)

1. Bài trình chiếu và nội dung trang chiếu

- Bài trình chiếu do phần mềm trình chiếu tạo ra là tập hợp các trang chiếu và được lưu trên máy tính dưới dạng một tệp. (Các trang chiếu được đánh số thứ tự 1, 2, 3,...).
- Nội dung trên các trang chiếu có thể là:
 - + **Văn bản**: Thường là những câu ngắn gọn hoặc chỉ là một phần của câu, được trình bày dưới dạng liệt kê.
 - + **Hình ảnh, biểu đồ** minh hoạ,...
 - + Các tệp **âm thanh** và các **đoạn phim**,...

Hoặc kết hợp các **đối tượng** trên

2. Bố trí nội dung trên trang chiếu

- Bố trí nội dung có nghĩa là cách thức sắp xếp vị trí các đối tượng (văn bản, hình ảnh, biểu tượng tệp âm thanh, tệp phim,...) trên trang chiếu.
- Một bài trình chiếu thường có:
 - + Trang đầu tiên (trang đầu tiên): cho biết chủ đề của bài trình chiếu
 - + Các trang còn lại gọi là các trang nội dung.
- Mỗi trang chiếu thường có nội dung văn bản làm tiêu đề trang và nằm ở trên cùng, còn lại là nội dung trang chiếu
- Các phần mềm trình chiếu thường có sẵn các **mẫu bố trí nội dung** (layout) trang chiếu. (SGK Tr 69, 70)

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

- | | | |
|--------------|---|------------------|
| 1. Cô Thủy | → | Zalo: 0908962965 |
| 2. Cô Hà | → | Zalo: 0908281062 |
| 3. Thầy Phái | → | Zalo: 0938779246 |
| 4. Cô Trinh | → | Zalo: 0983860352 |

MÔN TIN HỌC - KHỐI 9

(Từ ngày 24/01/2022 đến ngày 28/01/2022)

 LÝ THUYẾT

PHIẾU HỌC TẬP

BÀI 8: BÀI TRÌNH CHIẾU (Tiết 1)

Câu 1: Em hãy cho biết thành phần cơ bản của một bài trình chiếu?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2: Em có thể nhập những đối tượng nào làm nội dung cho các trang chiếu?

.....

.....

.....

.....

.....

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

- | | | |
|--------------|---|------------------|
| 1. Cô Thủy | → | Zalo: 0908962965 |
| 2. Cô Hà | → | Zalo: 0908281062 |
| 3. Thầy Phái | → | Zalo: 0938779246 |
| 4. Cô Trinh | → | Zalo: 0983860352 |

BÀI 1: PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN

1. Khái niệm về phương trình bậc nhất hai ẩn:

Phương trình bậc nhất hai ẩn x và y là hệ thức có dạng: $ax + by = c$ (1)
Trong đó a, b, c là các số đã biết ($a \neq 0$ hoặc $b \neq 0$)

Ví dụ: $2x - y = 1$; $3x + 0y = 6$; $0x + 2y = 4$... là các phương trình bậc nhất hai ẩn.

- Nếu $x = x_0$; $y = y_0$ thỏa mãn $ax_0 + by_0 = c$ thì (x_0, y_0) là một nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn $ax + by = c$
- Phương trình bậc nhất hai ẩn có vô số nghiệm. Mỗi nghiệm (x_0, y_0) được biểu diễn bởi một điểm trên mặt phẳng tọa độ.

2. Tập nghiệm của phương trình bậc nhất hai ẩn:

Tìm nghiệm tổng quát và biểu diễn tập nghiệm trên trục số của các phương trình sau:

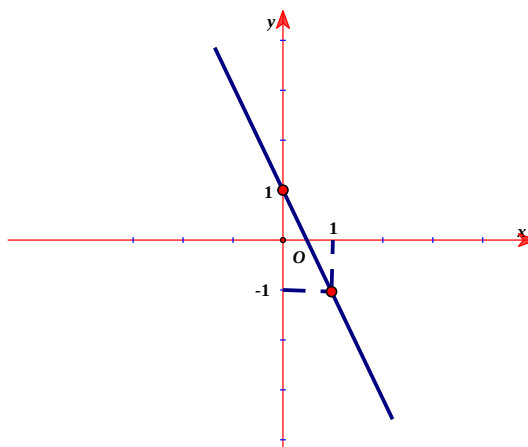
Ví dụ 1: $2x + y = 1$

$$\Leftrightarrow y = 1 - 2x$$

Vậy nghiệm tổng quát của phương trình trên là: $\begin{cases} x \in R \\ y = 1 - 2x \end{cases}$

*** BGT:**

x	0	1
$y = 1 - 2x$	1	-1



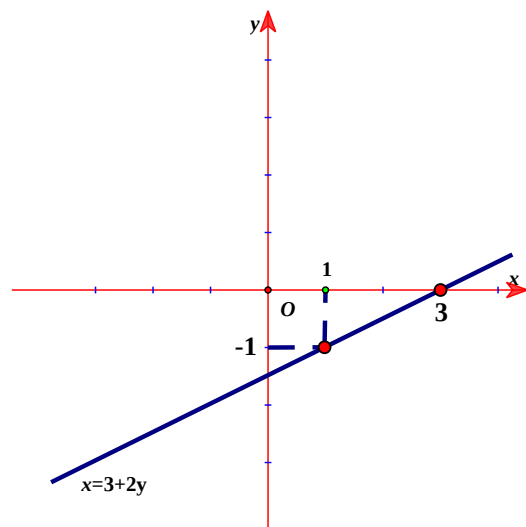
Ví dụ 2: $x - 2y = 3$

$$\Leftrightarrow x = 3 + 2y$$

Vậy nghiệm tổng quát của phương trình trên là: $\begin{cases} y \in R \\ x = 3 + 2y \end{cases}$

*** BGT:**

y	0	-1
$x = 3 + 2y$	3	1



Ví dụ 3: $4x - 0y = 8$

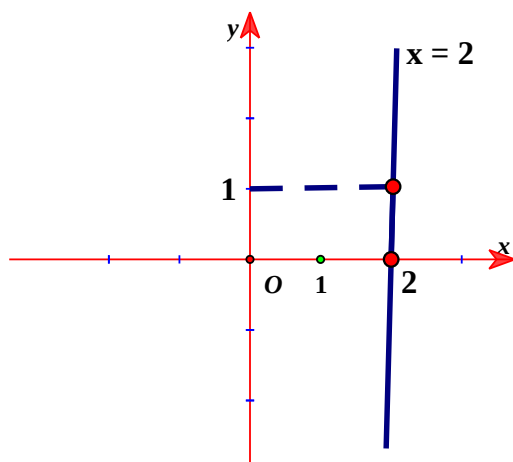
$$\Leftrightarrow 4x = 8$$

$$\Leftrightarrow x = 2$$

Vậy nghiệm tổng quát của phương trình trên là: $\begin{cases} y \in \mathbb{R} \\ x = 2 \end{cases}$

*** BGT:**

y	0	1
$x = 2$	2	2



BÀI 2: HỆ HAI PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT HAI ẨN

1. Khái niệm về hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn:

Cho hai phương trình bậc nhất hai ẩn $ax + by = c$ và $a'x + b'y = c'$. Khi đó, ta có hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn:

$$(I) \begin{cases} ax + by = c \\ a'x + b'y = c' \end{cases}$$

* Nếu 2 phương trình trên có nghiệm chung (x_0, y_0) thì (x_0, y_0) được gọi là một nghiệm của pt (I).

* Nếu 2 phương trình trên không có nghiệm chung thì ta nói hệ pt (I) vô nghiệm.

2. Minh họa hình học tập nghiệm của hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn:

Cho hệ phương trình:

$$(I) \begin{cases} ax + by = c \\ a'x + b'y = c' \end{cases}$$

Gọi hai đường thẳng xác định bởi hai phương trình trong hệ (I) đã cho lần lượt là (d_1) và (d_2) .

Ta có:

- Nếu (d_1) cắt (d_2) thì hệ (I) có một nghiệm duy nhất.
- Nếu (d_1) song song với (d_2) thì hệ (I) vô nghiệm.
- Nếu (d_1) trùng (d_2) thì hệ (I) có vô số nghiệm.

3. Hệ phương trình tương đương

Hai hệ phương trình được gọi là tương đương với nhau nếu chúng có cùng tập nghiệm.

Ví dụ: $\begin{cases} 2x - y = 1 \\ x - 2y = -1 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} 2x - y = 1 \\ x - y = 0 \end{cases}$

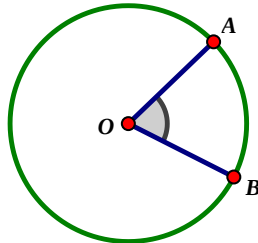
BÀI 1: GÓC Ở TÂM. SỐ ĐO CUNG

1. Góc ở tâm

a. Định nghĩa

Góc có đỉnh trùng với tâm đường tròn được gọi là góc ở tâm.

$\widehat{AOB}$ là góc ở tâm



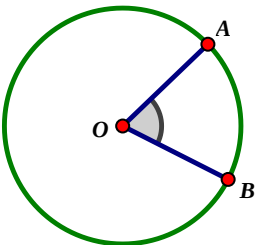
+ Hai cạnh của góc ở tâm cắt đường tròn tại hai điểm, do đó chia đường tròn thành hai cung. Cung nằm bên trong góc được gọi là cung nhỏ, cung nằm bên ngoài góc gọi là cung lớn.

+ Cung AB được kí hiệu là $\widehat{AB}$

+ Cung nằm bên trong góc gọi là cung bị chắn.

b. Tính chất

Trong một đường tròn, số đo của góc ở tâm bằng số đo của cung bị chắn.



Ta có: $\widehat{AOB} = sđ\widehat{AB}_{nhỏ}$ (góc ở tâm chắn $\widehat{AB}$)

2. Số đo cung

* Số đo của cung lớn bằng hiệu giữa 360^0 và số đo cung nhỏ (có chung hai đầu mút)

* Số đo của nửa đường tròn bằng 180^0

Ví dụ : Cho (O). Lấy hai điểm A và B thuộc (O) sao cho $\widehat{AOB} = 50^0$.

a) Tính $sđ\widehat{AB}_{nhỏ}$

b) Tính $sđ\widehat{AB}_{lớn}$

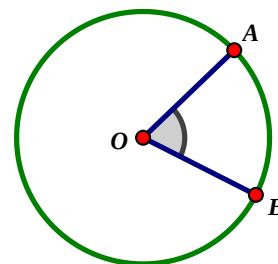
Giải

a) Ta có: $\widehat{AOB} = sđ\widehat{AB}_{nhỏ}$ (góc ở tâm chắn $\widehat{AB}$)

Mà : $\widehat{AOB} = 50^0$ (gt)

Nên : $sđ\widehat{AB}_{nhỏ} = 50^0$

b) Ta có : $sđ\widehat{AB}_{lớn} = 360^0 - sđ\widehat{AB}_{nhỏ}$
 $= 360^0 - 50^0 = 310^0$



Chú ý :

+ Cung nhỏ có số đo nhỏ hơn 180^0

+ Cung lớn có số đo lớn hơn 180^0

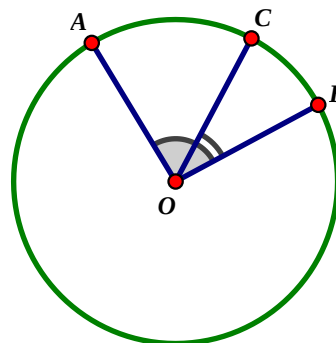
+ Khi hai mút của cung trùng nhau, ta có cung không với số đo 0^0 và cung cả đường tròn có số đo 360^0

3. So sánh hai cung : (SGK/68)

4. Khi nào thì $sđ\widehat{AB} = sđ\widehat{AC} + sđ\widehat{CB}$

Nếu C là một điểm trên cung AB thì

$$sđ\widehat{AB} = sđ\widehat{AC} + sđ\widehat{CB}$$



PHIẾU HỌC TẬP

Bài 1: Tìm nghiệm tổng quát và biểu diễn tập nghiệm trên trục số của các phương trình sau:

a) $2x + y = 3$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) $3x - y = 2$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

c) $x - 2y = 2$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

d) $0x - 4y = 8$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

e) $3x - 0y = 9$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

a) Tính $\widehat{AOB}$

b) Tính $sđ\widehat{AB}$ lớn

This image shows a full page of primary-ruled paper. It features ten sets of horizontal dotted lines, each set consisting of three dots. These lines are evenly spaced across the entire page, providing a guide for handwriting practice. The background is white, and there are no margins or other markings present.

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ: SỬ - GDCD

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 9
(Từ ngày 24/1/2022 đến 29/1/2022)

TUẦN 19

A. LÝ THUYẾT:

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY
Chủ đề 1. VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1919 - 1930
Nội dung 1: VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT

I- CHƯƠNG TRÌNH KHAI THÁC LẦN THỨ HAI CỦA THỰC DÂN PHÁP:

1. Nguyên nhân:

- Kinh tế Pháp bị tàn phá nặng nề
- Để bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra.

2. Chính sách khai thác của pháp:

- + Nông nghiệp: Tăng cường đầu tư vốn chủ yếu vào đồn điền cao su
- + Công nghiệp: Chú trọng khai thác mỏ than, tăng vốn đầu tư; nhiều công ti, cơ sở chế biến ra đời.
- Thương nghiệp: Pháp nắm độc quyền, đánh thuế nặng hàng hóa các nước nhập vào Việt Nam
- Giao thông vận tải: Đầu tư và phát triển thêm đường sắt xuyên Đông Dương.
- Ngân hàng: Ngân hàng Đông Dương nắm độc quyền chỉ huy các ngành kinh tế Đông Dương

II- CÁC CHÍNH SÁCH CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA, GIÁO DỤC:(khuyến khích HS tự đọc)

- **Chính trị:** Pháp thực hiện chính sách “chia để trị”, thẳng tay đàn áp, khủng bố...
- **Văn hóa, giáo dục:**

- + Hạn chế mở trường.
- + Khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, các tệ nạn XH.

III- XÃ HỘI VIỆT NAM PHÂN HÓA:

1. Giai cấp địa chủ phong kiến.

2. Giai cấp tư sản: Ra đời sau chiến tranh, ngày càng đông, phân hoá thành 2 bộ phận (Mại bản, Dân tộc)

3. Tiểu tư sản: Tăng nhanh về số lượng, nhưng bị chèn ép, bạc đãi, đời sống bấp bênh.

4. Giai cấp nông dân: Chiếm trên 90%

5. Giai cấp công nhân: Tăng cả số lượng, chất lượng, gắn bó với nông dân vươn lên lãnh đạo cách mạng

Nội dung 2: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG VIỆT NAM SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1919-1926)

I- ẢNH HƯỞNG CỦA CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGÀ VÀ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG THẾ GIỚI:

- + Sự thắng lợi của CN tháng Mười Nga, phong trào cách mạng thế giới
→ tác động rất lớn đến CMVN.

II- PHONG TRÀO DÂN TỘC, DÂN CHỦ CÔNG KHAI (1919-1925):

*** Giai cấp tư sản dân tộc:**

- Mục đích: Bênh vực quyền lợi cho giai cấp mình.
- Tính chất: Cải lương thỏa hiệp.

*** Các tầng lớp tiểu tư sản:** được tập hợp trong các tổ chức chính trị: Việt Nam nghĩa đoàn, Hội phục Việt... với nhiều hình thức đấu tranh

III- PHONG TRÀO CÔNG NHÂN (1919-1925):

- Năm 1920 công nhân Sài Gòn-Chợ Lớn thành lập tổ chức Công hội (bí mật)
- Năm 1922: Công nhân viên chức các Sở Công thương ở Bắc kỳ đấu tranh đòi nghỉ ngày chủ nhật có trả lương.
- Năm 1924: Nhiều cuộc bãi công nổ ra ở Hà Nội, Nam Định, Hải Dương ...
- Tháng 8/1925 công nhân Ba Son bãi công

Ý nghĩa: đánh dấu 1 bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam, giai cấp công nhân bước đầu đi vào đấu tranh có tổ chức và mục đích chính trị rõ ràng

B. PHIẾU BÀI TẬP VẬN DỤNG:

Câu 1: Nguyên nhân thúc đẩy cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp là gì?

A. Chuẩn bị cho chiến tranh thế giới.

B. Bù đắp những thiệt hại do chiến tranh thế giới gây ra.

C. Phát triển thuộc địa.

D. Biến Việt Nam thành thị trường tiêu thụ của Pháp.

Câu 2: Tư bản Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào lĩnh vực nào?

A. Nông nghiệp.

B. Công nghiệp.

C. Giao thông vận tải.

D. Khai mỏ

Câu 3: Tại sao tư bản Pháp tập trung vốn vào việc lập đồn điền cao su và khai thác than?

A. Cao su và than có giá trị cao.

B. Việt Nam nhiều cao su và than.

C. Cao su và than là hai mặt hàng thị trường Pháp và thế giới có nhu cầu lớn.

D. Cao su và than dễ khai thác.

Câu 4: Trong chính sách thương nghiệp, vì sao thực dân Pháp đánh thuế nặng các hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam?

A. Tạo sự cạnh tranh giữa hàng hóa các nước nhập vào Đông Dương.

- B. Không cho hàng hóa nước ngoài vào Việt Nam.
- C. Tạo điều kiện cho thương nghiệp Đông Dương phát triển.

D. Muốn độc chiếm thị trường Việt Nam và Đông Dương.

Câu 5: Thủ đoạn thâm độc nhất về chính trị của thực dân Pháp để nô dịch lâu dài nhân dân ta là gì?

A. Thực hiện chính sách “chia để trị”

- B. Thâu tóm quyền hành trong tay người Pháp.
- C. Cầu kết với vua quan Nam triều để đàn áp nhân dân.
- D. Tăng cường khủng bố, đàn áp nhân dân.

Câu 6: Giai cấp nào có tinh thần cách mạng triệt để, có ý thức tổ chức kỉ luật gắn với nền sản xuất hiện đại, có quan hệ mật thiết với giai cấp nông dân.

- A. Giai cấp tiểu tư sản.
- B. Giai cấp tư sản.
- C. Giai cấp nông dân.

D. Giai cấp công nhân.

Câu 7: Lực lượng hăng hái và đông đảo nhất của cách mạng Việt Nam là giai cấp nào?

- A. Giai cấp tiểu tư sản.
- B. Giai cấp tư sản.

C. Giai cấp nông dân.

- D. Giai cấp công nhân.

Câu 8: Giai cấp nào trở thành tay sai, làm chỗ dựa cho thực dân Pháp tăng cường chiếm đoạt, bóc lột kinh tế, đàn áp chính trị đối với người nông dân?

- A. Giai cấp địa chủ phong kiến.

B. Tầng lớp đại địa chủ.

- C. Tầng lớp tư sản mại bản
- D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 22: Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng nào?

- A. Đại diện cho lực lượng sản xuất tiên bộ
- B. Có tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

C. Bị ba tầng lớp áp bức bóc lột, có quan hệ tự nhiên với giai cấp nông dân kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc

- D. Điều kiện lao động và sinh sống tập trung.

Câu 9: Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản phát triển mạnh mẽ vì:

- A. Chủ nghĩa Mác Lê-nin được truyền bá sâu rộng vào Việt Nam.

B. Do ảnh hưởng tư tưởng Tam dân của Tôn Trung Sơn.

- C. Giai cấp công nhân đã chuyển sang đấu tranh tự giác.
- D. Thực dân Pháp đang trên đà suy yếu.

Câu 10: Những sự kiện nào trên thế giới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất có tác động sâu sắc nhất tới cách mạng Việt Nam?

A. Thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (1917) và sự thành lập Quốc tế cộng sản (2/1919).

- B. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Á, Phi, Mĩ La-tinh.
- C. Sự ra đời của các Đảng Cộng sản ở các nước châu Âu.
- D. Hội nghị Véc-xai.

Câu 11: Giai cấp tư sản dân tộc có những hoạt động gì trong những năm 1919 – 1926?

- A. Chống độc quyền cảng Sài Gòn.
- B. Lập Đảng Thanh niên, dùng báo chí bênh vực quyền lợi của mình.
- C. Không thỏa hiệp với thực dân Pháp.

D. “Chấn hưng nội hóa”, “Bài trừ ngoại hóa”, chống độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất khẩu lúa gạo Nam Kỳ.

Câu 12: Phong trào yêu nước dân tộc dân chủ công khai diễn ra từ:

- A. 1919-1925
- B. 1919-1926**
- C. 1919-1927
- D. 1919-1928

Câu 12: Các tổ chức Việt Nam Nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên do tầng lớp nào thực lập ra?

- A. Tiểu tư sản trí thức.
- B. Tư sản và địa chủ Nam kì.**
- C. Tư sản dân tộc.
- D. Công nhân.

Câu 13: Trong những năm 1919 – 1926, giai cấp tiểu tư sản có những tờ báo tiến bộ nào?

- A. Chuông rè, Tin tức, Thanh niên.
- B. Chuông rè, An Nam trẻ, Người nhà quê.**
- C. Thanh niên, Chuông rè, An Nam trẻ.
- D. Người nhà quê, An Nam trẻ, Thanh niên.

Câu 14: Những tổ chức chính trị như: Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Hội Hưng Nam, Đảng Thanh niên là tiền thân của?

- A. Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.
- B. Việt Nam Quốc dân Đảng.
- C. Tân Việt cách mạng Đảng**
- D. Đông Dương cộng sản Đảng.

Câu 15: Năm 1920, công nhân Sài Gòn – Chợ Lớn đã thành lập tổ chức gì, do ai đứng đầu?

- A. Tổ chức Việt Nam nghĩa đoàn, Tôn Đức Thắng đứng đầu.
- B. Đảng Thanh niên, do Tôn Đức Thắng đứng đầu.
- C. Tổ chức Công hội, do Tôn Đức Thắng đứng đầu.**
- D. Tổ chức Hội Phục Việt, Tôn Đức Thắng đứng đầu.

Câu 16: Phong trào công nhân trong những năm 1919 -1924 đấu tranh với mục tiêu chủ yếu là gì?

- A. Đòi quyền lợi kinh tế.**
- B. Đòi quyền lợi chính trị.
- C. Đòi quyền lợi kinh tế và chính trị.

D. Đấu tranh giải phóng dân tộc.

Câu 17: Sự kiện nào dưới đây đánh dấu phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân Việt Nam đã đi vào con đường đấu tranh có tổ chức?

A. Cuộc bãi công của công nhân thợ nhuộm ở Chợ Lớn (1922).

B. Tổng bãi công của công nhân Bắc Kỳ (1922)

C. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son – Sài Gòn (8/1925)

D. Cuộc bãi công của 1000 công nhân nhà máy sợi Nam Định (1926)

Câu 18: Sự kiện nào thể hiện “Tư tưởng Cách mạng tháng Mười Nga đã thấm sâu hơn vào giai cấp công nhân và bắt đầu biến thành hành động của giai cấp công nhân Việt Nam”?

A. Bãi công của thợ máy xưởng Ba Son cảng Sài Gòn (1925).

B. Nguyễn Ái Quốc đọc sơ thảo luận cương của Lê nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa (7-1920)

C. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái vang dội ở Sa Điện - Quảng Châu (6-1924).

D. Nguyễn Ái Quốc gửi đến hội nghị Véc-xai bản yêu sách (1919).

Câu 19: Phong trào yêu nước dân chủ công khai diễn ra vào năm 1924-1925, là phong trào nào?

A. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và đấu tranh đòi thả tự do cho cụ Phan Bội Châu.

B. Xuất bản những tờ báo tiến bộ và lập ra nhà xuất bản tiến bộ.

C. Cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả cụ Phan Bội Châu và đám tang cụ Phan Chu Trinh.

D. Tiếng bom của Phạm Hồng Thái và đám tang cụ Phan Chu Trinh.

Câu 20: Cuộc bãi công Ba Son 9/8/1925) có vị trí như thế nào trong phong trào công nhân nước ta sau Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Là cuộc bãi công diễn ra trên quy mô lớn nhất

B. Là cuộc bãi công mang lại nhiều thắng lợi

C. Là cuộc bãi công đánh dấu bước tiến mới của phong trào công nhân Việt Nam - giai cấp công nhân nước ta từ đây bước đầu đi vào đấu tranh tự giác

D. Cả ba câu a, b, c đều đúng

C. DẶN DÒ:

- Học thuộc bài

- Chuẩn bị bài mới

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Phương: 0909748238

Cô Tuyền: 0981979190